TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03/5/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Thọ

2. Bà Lê Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành *tham gia phiên toà:*

Ông Phan Thanh Việt- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 707/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST -HN ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa:

* *Nguyên đơn*:

Anh Võ Phúc N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: số D, khu phố T, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre (Có mặt)

* *Bị đơn*:

Chị Phạm Thị T, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: số D, khu phố T, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Võ Phúc N trình bày:

Anh và chị T kết hôn vào năm 2004, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, chị T có mối quan hệ khác. Anh N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T

Về con chung: có 01 con chung tên Võ Phúc Trọng N1, sinh ngày 16/6/2005. Con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại Bản tự khai ngày 22/01/2024, Biên bản hòa giải ngày 19/01/2024 và ngày 21/02/204, bị đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân, chị và anh N tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị về sống bên gia đình chồng. Hai vợ chồng có hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn theo chị là do anh N có mối quan hệ với người phụ nữ khác, anh N nhiều lần đánh đập chị, anh N cất chòi kế nhà và ra đó ngủ, sinh hoạt ăn uống vẫn chung nhà. Hôn nhân của anh chị có nhiều mâu thuẫn nhưng chị muốn con có cả cha lẫn mẹ, đợi con học xong đại học rồi mới ly hôn.

Con chung: có 01 con chung tên Võ Phúc Trọng N1, sinh ngày 16/6/2005. Con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: về tố tụng: không vi phạm tố tụng; về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T được triệu tập hợp lệ lần thứ ba vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử vắng mặt chị T là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Võ Phúc N và chị Phạm Thị T kết hôn vào năm 2004, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/05/2004 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh Nghĩa l do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, còn phía chị T thì cho rằng anh N có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Anh N yêu cầu được ly hôn, chị T không đồng ý vì muốn con có cha và mẹ, sau khi con học xong đại học rồi mới ly hôn. Nhận thấy, hôn nhân giữa chị T và anh N tồn tại nhiều mâu thuẫn, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N yêu cầu ly hôn với chị T là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên Võ Phúc Trọng N1, sinh ngày 16/6/2005. Con đã trưởng thành nên không xét đến.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: hai bên khai không có nên không xét đến.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Võ Phúc N phải chịu án phí là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Võ Phúc N với chị Phạm Thị T.

Anh Võ Phúc N được ly hôn chị Phạm Thị T. Quan hệ hôn nhân của anh N, chị T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Võ Phúc Trọng N1, sinh ngày 16/6/2005. Con đã trưởng thành nên không xét đến.

3. Về tài sản chung, nợ chung: hai bên khai không có nên không xét đến.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Võ Phúc N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001761 ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh N đã nộp đủ án phí.

Anh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA huyện Châu Thành;
- UBND thị trấn Tiên Thủy,
(Số ĐKKH ngày 02/5/2004)
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu